|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG | | **ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN** | | | | | | | | |
| KHOA KIẾN TRÚC | | | | Học kỳ: | **3** | Năm học: | | **2021 - 2022** | | |
| Mã họcphần: DAR0360 | Tên học phần: QUY HOẠCH KHU Ở | | | | Tín chỉ: ....... | | | | Khóa: ……. | |
| Mã nhóm lớp HP: | DAR0360 | | - Đề thi số: | | **01** | | - Mã đề thi: | | | **………** |
| Thời gian làm bài: | 60 (phút) | | | | | | | | | |
| Hình thức thi: | **Tự luận** | | | | | | | | | |
|  | Được sử dụng tài liệu | | | | | | | | | |

**NỘI DUNG ĐÁP ÁN ĐỀ THI:**

**Câu 1 *(5,0 điểm):*   
- Trình bày các loại hình nhà ở trong đô thị Việt Nam hiện nay**? (2,0 điểm)

+ Nhà phố

+ Nhà liên kế (nhà liền kề)

+ Biệt thự

+ Nhà vườn

+ Chung cư (chung cư thấp tầng và chung cư cao tầng)

**- Loại hình nhà ở nào sẽ được xây dựng phổ biến trong các đô thị lớn tại Việt Nam trong tương lai. Tại sao?**(1,5 điểm)

Chọn loại hình nhà ở: Chung cư, hoặc chung cư kết hợp với loại hình khác

+ Phân tích về nhu cầu chỗ ở

+ Phân tích về yếu tố sử dụng đất

+ Phân tích về hiệu quả trong việc tổ chức không gian kiến trúc đô thị…

**- Căn cứ quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành để tính toán diện tích đất công trình giáo dục của một đơn vị ở với quy mô dân số là 9.500 người?** *(1,5 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại công trình** | **Cấp quản lý** | **Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu** | | **Chỉ tiêu sử dụng đất đai tối thiểu** | |
| **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Chỉ tiêu** |
| Trường mầm non | Đơn vị ở | cháu/1000người | 50 | m2/1 cháu | 12 |
| Trường tiểu học | Đơn vị ở | Học sinh/1000người | 65 | m2/1 hs | 10 |
| Trường trung học cơ sở | Đơn vị ở | Học sinh/1000người | 55 | m2/1 hs | 10 |

**Câu 2 *(5,0 điểm):***

- Trình bày quy mô dân số và chỉ tiêu đất đơn vị ở trong đô thị loại III theo quy định pháp lý Việt Nam hiện hành? *(1,0 điểm)*

*- Quy mô dân số và chỉ tiêu đất đơn vị ở trong đô thị loại III theo quy định pháp lý Việt Nam hiện hành:*

**Quy mô dân số** **4000** – **20000** người

**Chỉ tiêu đất của đơn vị ở**

|  |  |
| --- | --- |
| Loại đô thị | Đất đơn vị ở (m2/người) |
| I - II | 15-28 |
| **lll-IV** | **28 - 45** |
| V | 45-55 |

Chỉ tiêu đất đơn vị ở bình quân toàn đô thị theo loại đô thị:

*- Thế nào là chỉ số diện tích sàn ở, mật độ xây dựng và hệ số sử dụng đất?* (1,5 điểm)

Chỉ số diện tích sàn ở (m2/người): Là chỉ số cho biết mức độ tiện nghi về mặt diện tích trong đơn vị ở

Mật độ xây dựng (%): Là tỉ lệ giữa diện tích xây dựng trên diện tích đất. Là chỉ tiêu quan trọng trong việc quản lý xây dựng. Chỉ tiêu này khống chế tương quan giữa phần đất xây dựng công trình và phần không gian trống nhằm đảm bảo các yêu cầu về thông thóang, chiếu sáng, phòng hỏa….

Hệ số sử dụng đất: Là tỷ số giữa tổng diện tích sàn các tầng trên diện tích khu đất. Hệ số này nói lên hiệu quả sử dụng của khu đất và tòan đơn vị ở.

- Nêu các loại hình giao thông và giải pháp bố trí giao thông trong đơn vị ở (vẽ hình minh họa)? (2,5 điểm)

*Các loại hình giao thông trong đơn vị ở*

+ Đường ô tô - xe máy

+ Đường đi bộ – xe đạp

+ Bãi xe

*Giải pháp bố trí giao thông trong đơn vị ở: (vẽ hình minh họa)*

+ Hệ thống thòng lọng

+ Hệ thống đường vòng

+ Hệ thống đường bán vòng

+ Hệ thống cài răng lược

+ Hệ nhánh cây

+ Đường cụt

+ Hệ thống hỗn

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày biên soạn: 8/7/2022*  **Giảng viên biên soạn :** Ts. Mã Văn Phúc    *Ngày kiểm duyệt: 10/7/2022*  **Trưởng Phó Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**  Ths. Cao Đình Sơn | *Thầy Mã Văn Phúc* |